CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Nhiệt điện Hải Phòng

Ngày 31/03/2025	12,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-0.8%	**0.8%**	**-3.7%**

DT thuần
Q1/25
2,657
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 226| 9.3%
YoY: ▼132| -4.7%

LN thuần
Q1/25
185
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 185| 56112%
YoY: ▲ 22.0| 13.4%

LN sau thuế
Q1/25
166
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 166| 66537%
YoY: ▲ 11.0| 7.2%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
7.0%
YoY: +/-▲ 7.0%

ROE (TTM)
Q1/25
7.4%
YoY: +/-▲ 0.1%

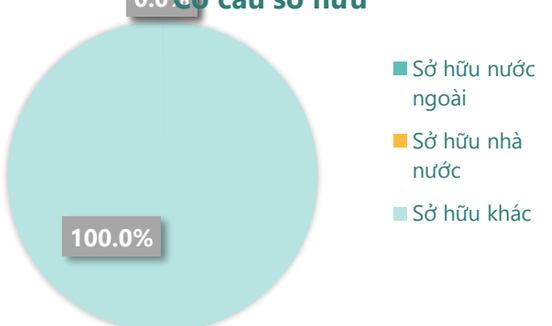
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	12,600 - 15,516
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	6,400
Số lượng CPLH (CP)	500,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	25,665
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.19
EPS	866
P/E	14.8

DT thuần
2024
11,036
tỷ VNĐ
YoY: ▼407| -3.6%

LN thuần
2024
272
tỷ VNĐ
YoY: ▼192| -41.3%

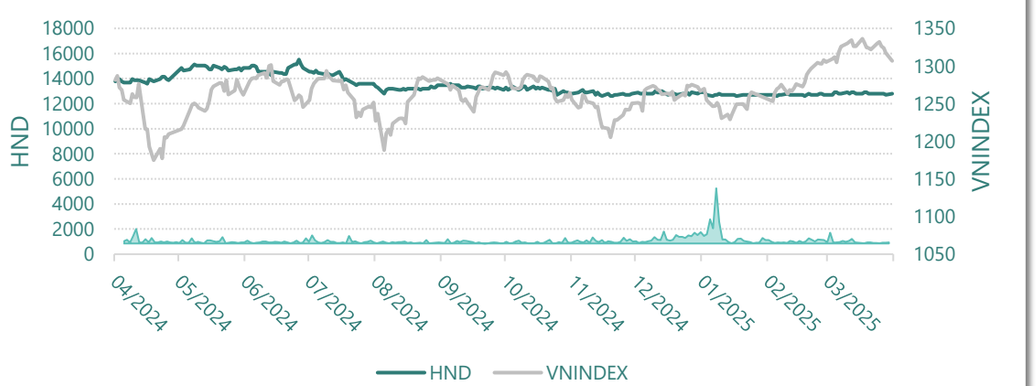
LN sau thuế
2024
259
tỷ VNĐ
YoY: ▼182| -41.3%

Cơ cấu sở hữu

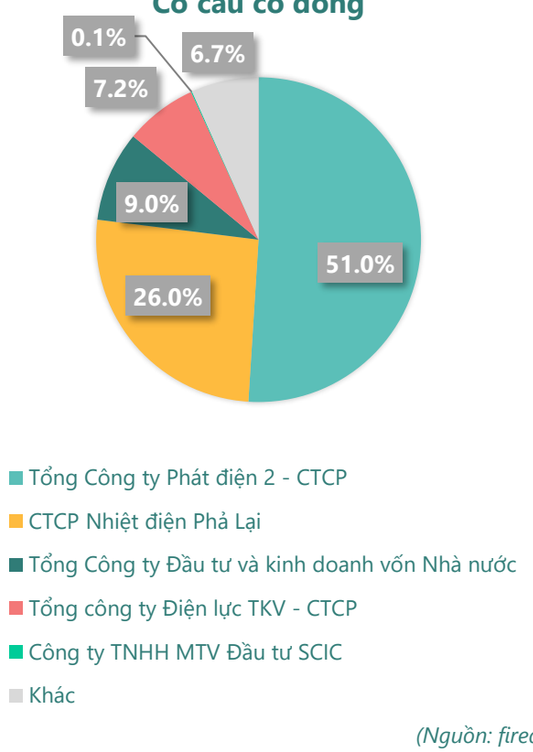


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



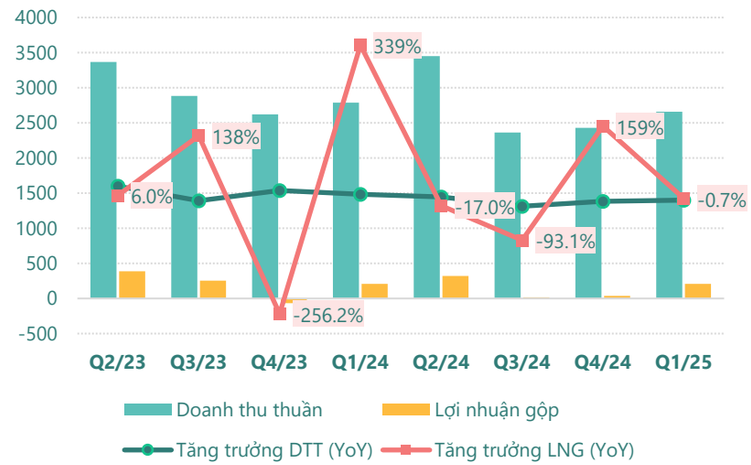
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

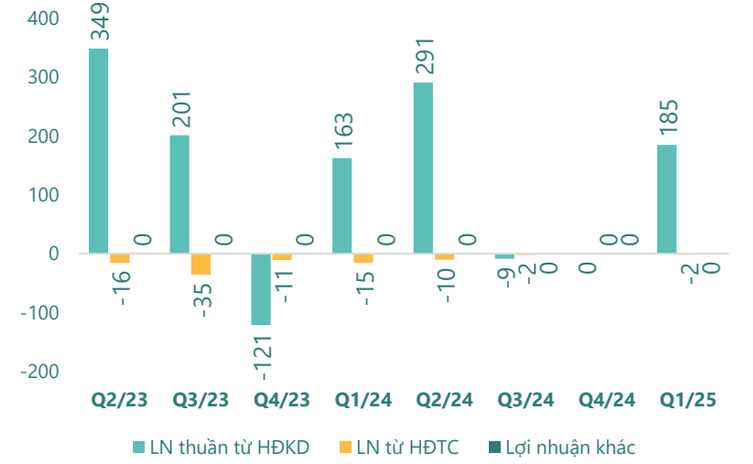
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



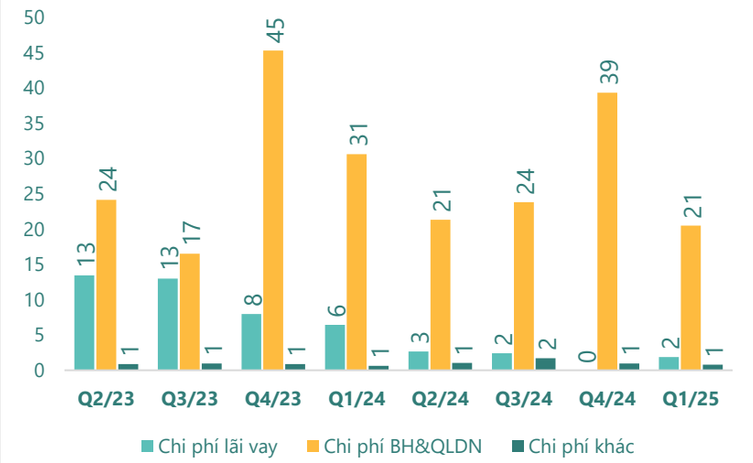
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



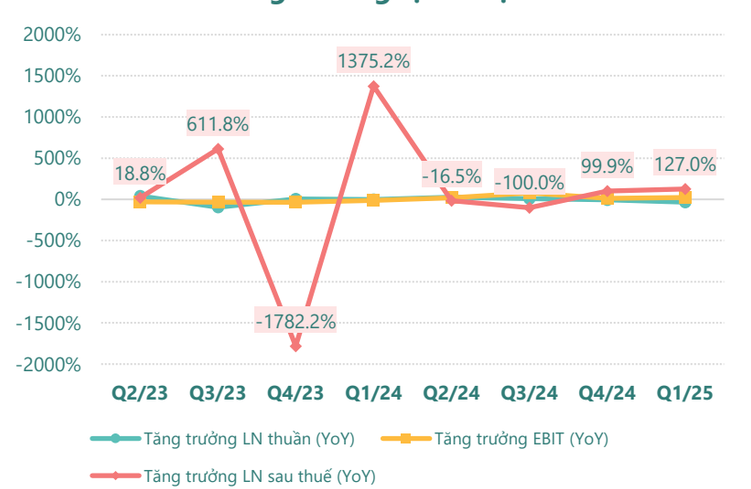
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



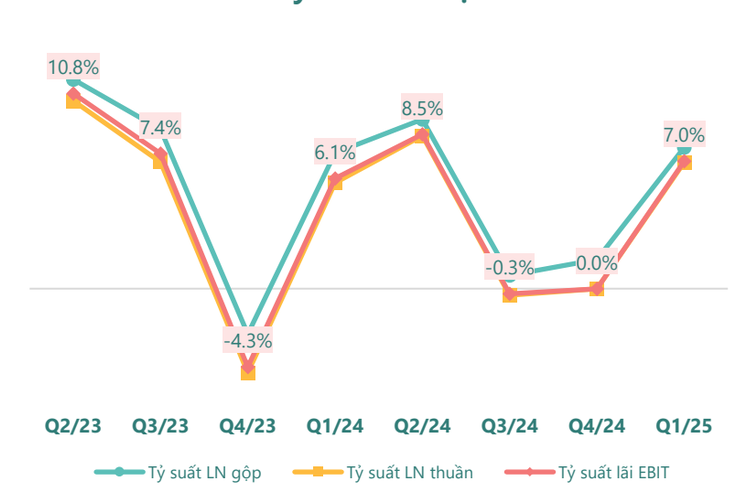
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



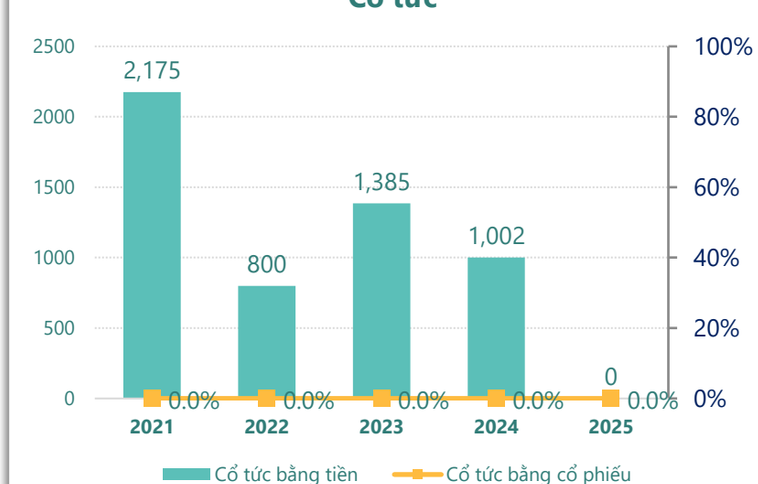
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

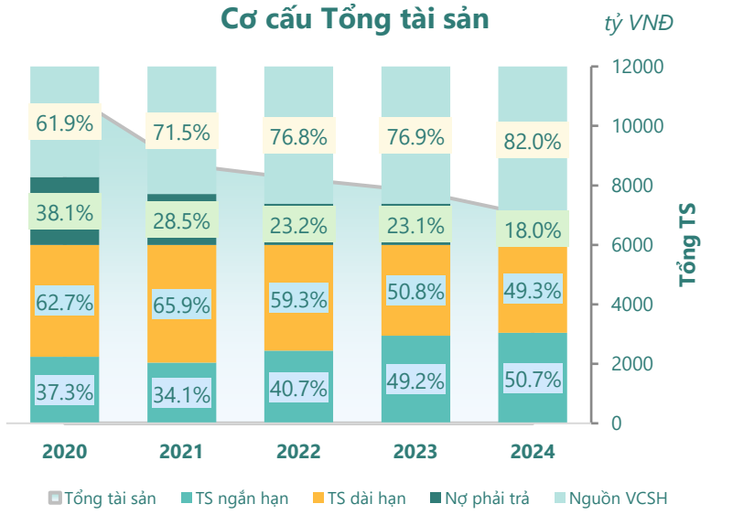
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

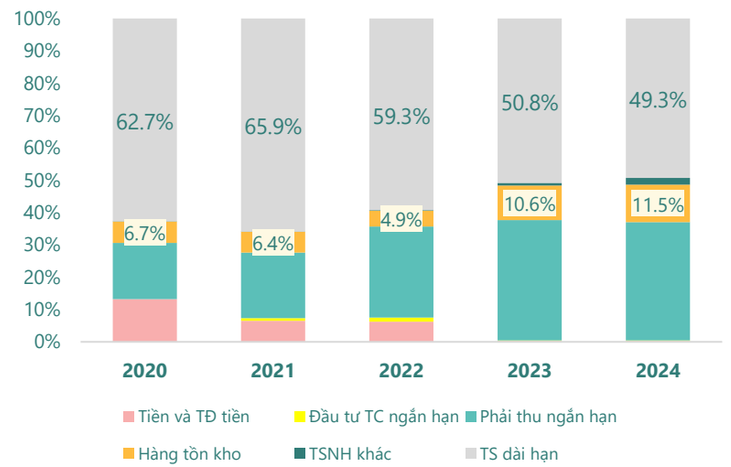
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



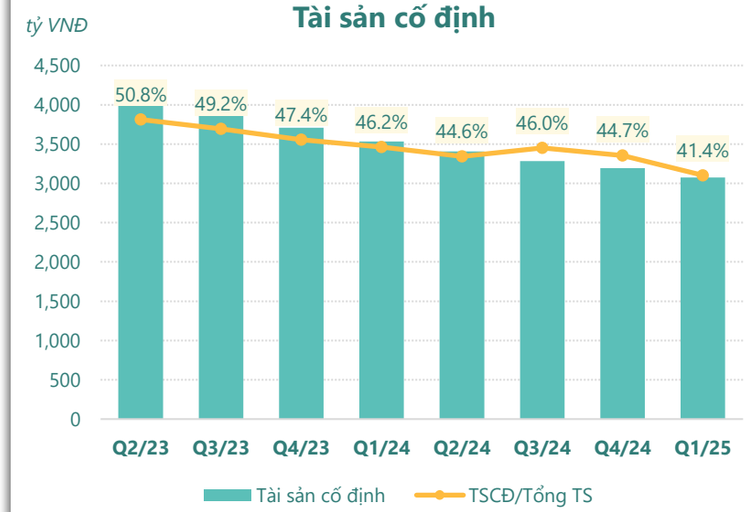
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



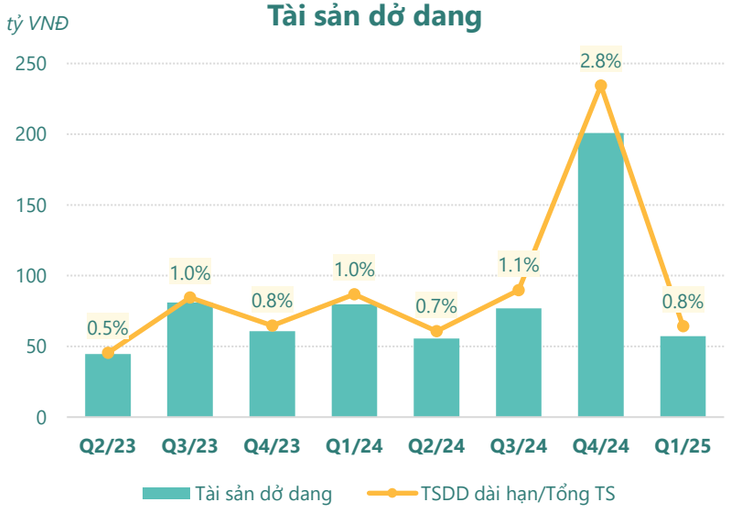
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



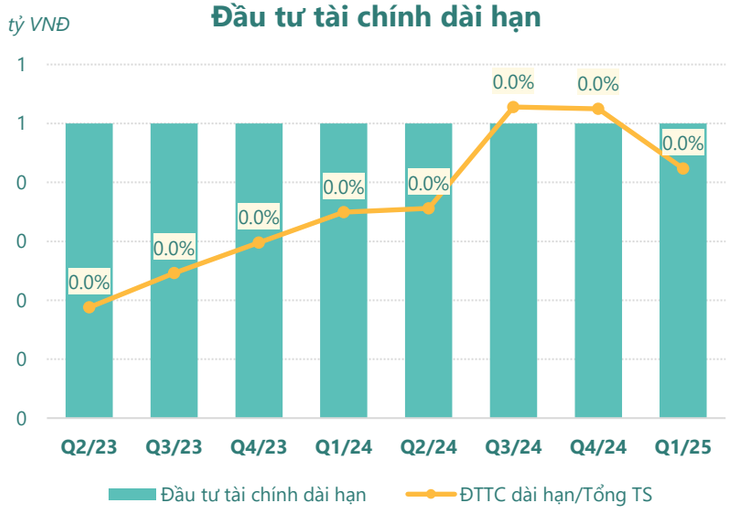
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



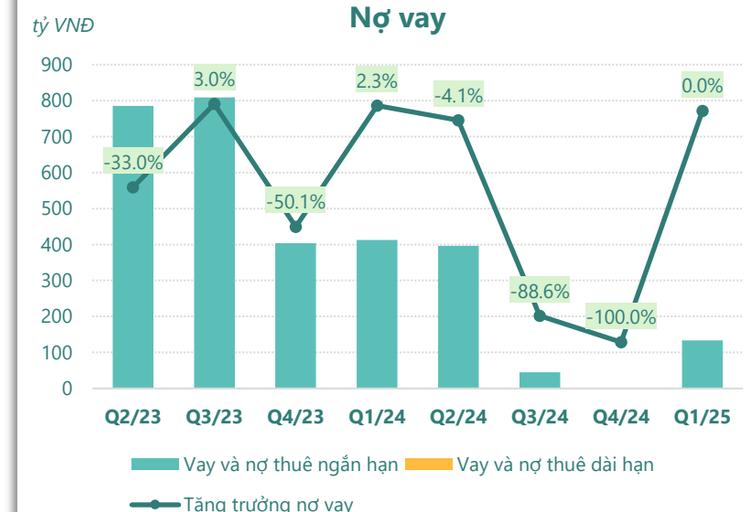
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

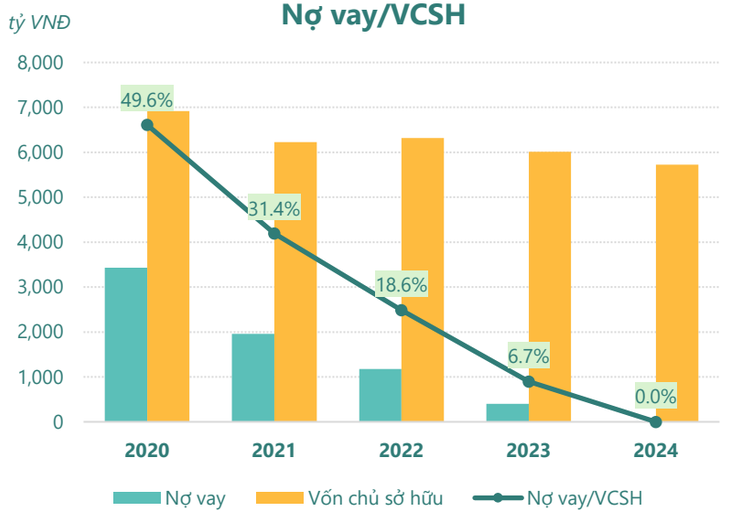
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

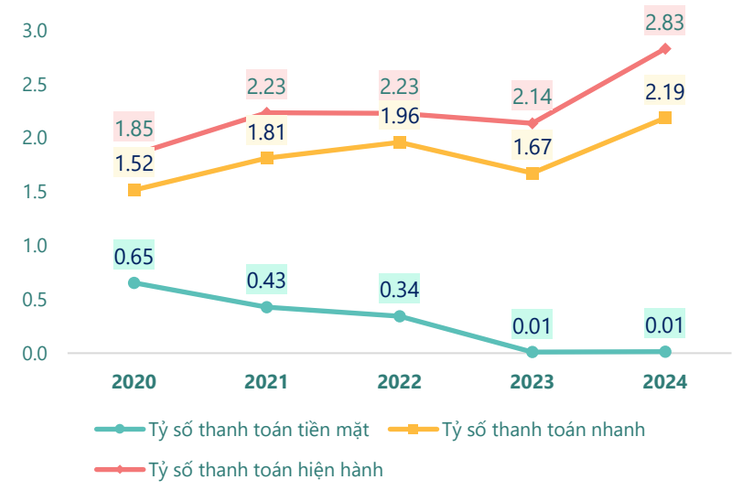
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



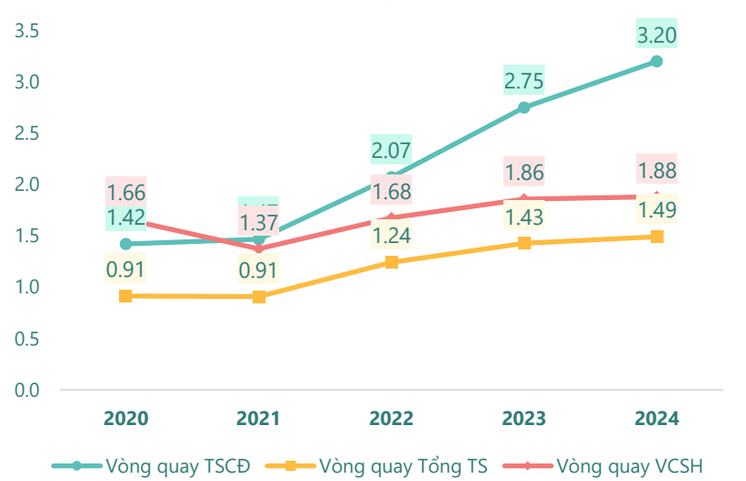
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



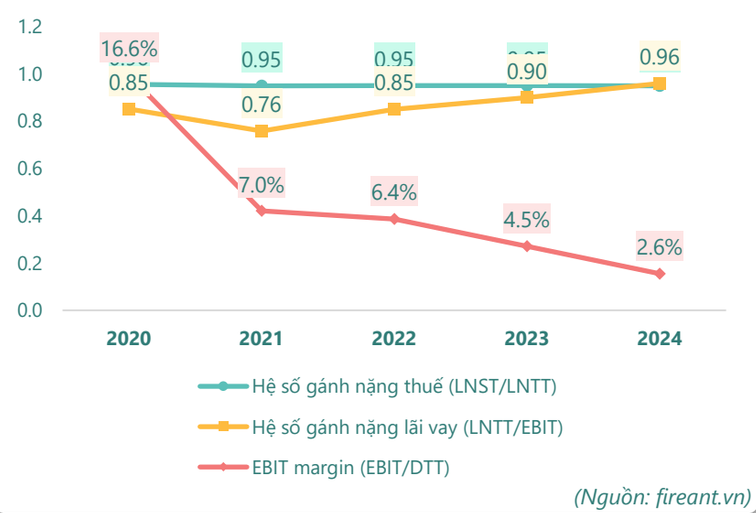
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



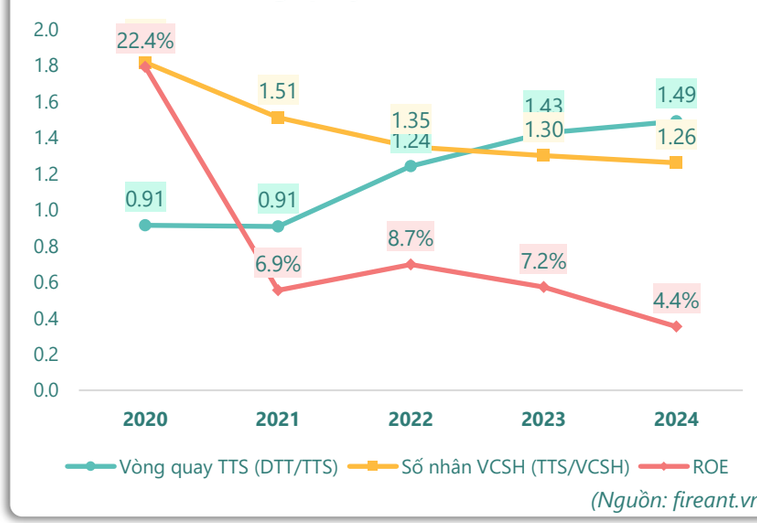
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



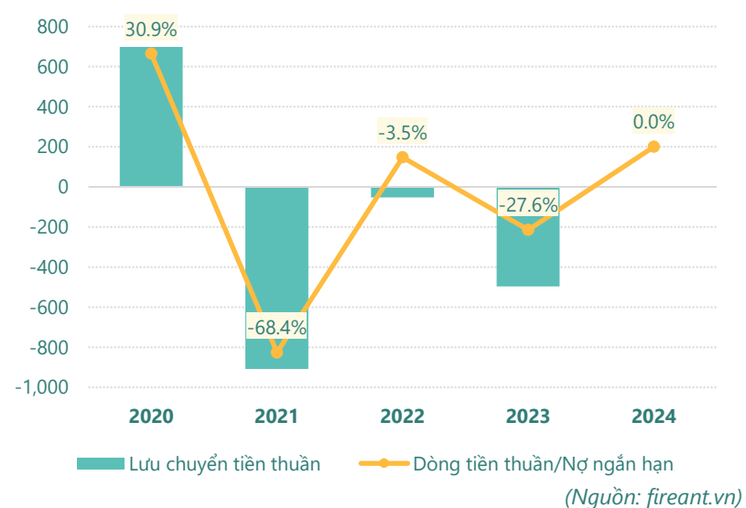
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**2,657**	**2,789**	**-4.7%**	**11,036**	**11,443**	**-3.6%**
Giá vốn hàng bán	2,450	2,580	-5.0%	10,629	10,799	-1.6%
Lợi nhuận gộp	207	209	-0.9%	407	644	-36.8%
Doanh thu HĐTC	0.13	0.25	-47.6%	0.52	7.85	-93.4%
Chi phí TC	1.88	15.5	-87.9%	28.4	80.0	-64.5%
Chi phí lãi vay	1.88	6.45	-70.9%	11.5	52.2	-77.9%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**20.5**	**30.6**	**-33.0%**	**107**	**108**	**-0.7%**
LN thuần từ HĐKD	185	163	13.4%	272	464	-41.3%
Lợi nhuận khác	**-0.20**	**0.25**	**-180%**	**0.46**	**0.80**	**-43.3%**
LN trước thuế	185	163	13.3%	273	465	-41.3%
Lợi nhuận sau thuế	**166**	**155**	**7.2%**	**259**	**441**	**-41.3%**
LNST của CĐ cty mẹ	**166**	**155**	**7.2%**	**259**	**441**	**-41.3%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	567	162	227	433	170	99.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-25.5	-3.22	12.5	-1.32	-46.3	-1.56
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-546	-155	-244	-435	-120	-104
Tiền đầu kỳ	23.5	18.5	22.8	17.8	14.0	18.2
Lưu chuyển tiền thuần	**-5.04**	**4.35**	**-4.99**	**-3.86**	**4.19**	**-6.08**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	18.5	22.8	17.8	14.0	18.2	12.1

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**7,430**	**6,980**	**6.4%**
Tài sản ngắn hạn	4,099	3,541	15.8%
Tiền và tương đương tiền	12.1	18.2	-33.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	15.0	15.0	0.0%
Phải thu ngắn hạn	3,017	2,554	18.2%
Hàng tồn kho	895	806	11.0%
Tài sản ngắn hạn khác	160	148	8.1%
Tài sản dài hạn	**3,330**	**3,440**	**-3.2%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	3,073	3,192	-3.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	57.2	44.6	28.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.50	0.50	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**200**	**202**	**-1.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,556	1,257	23.8%
Nợ ngắn hạn	**1,550**	**1,251**	**23.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	134	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	1,242	954	30.3%
Nợ dài hạn	5.94	6.01	-1.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**5,873**	**5,723**	**2.6%**
Vốn chủ sở hữu	**5,873**	**5,723**	**2.6%**
Vốn điều lệ	5,000	5,000	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)